

## ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2024

(Ban hành kèm theo Công văn số /PTP ngày tháng 10 năm 2024

của Phòng Tư pháp thành phố Đà Lạt)

### I. Sự ra đời của Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Cùng với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống trở thành yêu cầu cấp thiết, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và hiệu quả với nhiều hình thức, biện pháp phù hợp. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngày Pháp luật) là một trong những hình thức, biện pháp triển khai cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

Ngày 20/6/2012, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Xuất phát từ vai trò của pháp luật, ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 - Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với những giá trị về tư tưởng pháp quyền, quyền lực thuộc về Nhân dân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và thực tiễn triển khai mô hình “Ngày Pháp luật”, kết hợp với tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật đã quy định ngày 09 tháng 11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 8) - Ngày Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua Hiến pháp năm 1946.

### II. Mục đích, ý nghĩa của Ngày Pháp luật Việt Nam.

#### 1. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật.

Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức hằng năm nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, đề cao giá trị của Hiến pháp, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội. Với ý nghĩa đó, để hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam, các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung hoàn thành tốt các nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật, đồng thời mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, góp phần đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống.

**2. Xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ ứng xử phù hợp với pháp luật, tạo nên sự bền vững của ý thức pháp luật, tạo lập kỷ cương, phép nước góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, PBGDPL và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân**

Pháp luật của nước ta đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch; ghi nhận, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho mỗi cá nhân và hài hòa lợi ích trong xã hội. Qua việc tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ, hành vi ứng xử phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao ý thức bảo vệ pháp luật của toàn dân. Ngày Pháp luật

Việt Nam được tổ chức nhằm đề cao giá trị con người, xây dựng nhân cách, ý thức làm chủ, tôn trọng kỷ cương, tự do trong khuôn khổ pháp luật; coi trọng các giá trị đạo đức tốt đẹp; ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước, xây dựng nếp sống văn hoá. Đây chính là yếu tố tạo nên sự bền vững của ý thức pháp luật, kỷ cương, phép nước.

Bên cạnh đó, Nhà nước pháp quyền đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn thiện. Việc tổ chức Ngày Pháp luật Việt Nam là một trong những điều kiện quan trọng thúc đẩy tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Pháp luật chỉ có thể điều chỉnh tốt nhất hành vi khi được chấp hành một cách tự nguyện, thực sự trở thành nhu cầu tự thân, có ý thức của mỗi người. Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật, tự giác chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tích cực tham gia bảo vệ pháp luật; động viên toàn xã hội thi hành pháp luật nghiêm minh.

### **3. Hướng tới xây dựng văn hóa pháp lý trong toàn xã hội**

Văn hóa pháp lý được thể hiện hàng ngày ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, cá nhân và xã hội. Để hình thành văn hóa pháp lý cần phải xây dựng lối sống theo pháp luật. Ngày Pháp luật Việt Nam góp phần xây dựng lối sống theo pháp luật, tạo lập thói quen tự giác thực hiện, ứng xử theo pháp luật và nâng cao nhận thức pháp luật của mỗi người.

Năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt tổ chức hưởng ứng Ngày Pháp luật nhằm tiếp tục tôn vinh, khẳng định vị trí, vai trò của Hiến pháp, pháp luật trong đời sống xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; giáo dục ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật cho mọi người dân. Tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giáo dục tinh thần yêu nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **III. Tóm tắt nội dung một số văn bản pháp luật mới có hiệu lực thi hành trong tháng 11/2024 để lồng ghép tuyên truyền hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2024**

### **1. Quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.**

Ngày 06/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 6/9/2024 quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Nghị định này quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Theo quy định, hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi, chia sẻ thông tin trên mạng.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, duy trì và cập nhật thông qua phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu truy nhập và sử dụng thông tin của các ngành kinh tế và phục vụ lợi ích công cộng.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng; cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng; cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng và các hoạt động khác liên quan đến đầu tư xây dựng.

Về nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, Nghị định quy định:

- Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

- Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng, cập nhật nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về hoạt động xây dựng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng.

- Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt và được lưu trữ lâu dài, đáp ứng nhu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

- Việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Về khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, Nghị định quy định cơ quan quản lý nhà nước được quyền khai thác và sử dụng đầy đủ các trường dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu của đơn vị.

Cá nhân, tổ chức được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu mở được công bố và được khai thác bằng văn bản đối với các dữ liệu còn lại trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu sử dụng của cá nhân, tổ chức.

Hình thức khai thác cơ sở dữ liệu gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và bằng văn bản theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin đối với các thông tin, dữ liệu không thuộc dữ liệu mở quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

Nghị định nêu rõ, cơ quan quản lý nhà nước không được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các giấy tờ, thông tin đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Dữ liệu được tra cứu, khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định trên có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy trong các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là nền tảng để triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là tham chiếu gốc phục vụ tra cứu, khai thác để thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan như lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp giấy phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng; các thủ tục khác có liên quan đến đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật chuyên ngành khác.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2024.

## **2. Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.**

Ngày 12/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã về: Phân loại quy mô hợp tác xã; Tiêu chí lựa chọn, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện chính sách của Nhà nước về hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Điều kiện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp; Điều kiện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện hoạt động cho vay nội bộ và mức cho vay, giới hạn cho vay, lãi suất, xử lý rủi ro từ hoạt động cho vay nội bộ; Giao dịch nội bộ và thu nhập từ giao dịch nội bộ; Xử lý tài sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản.

Đối tượng áp dụng, bao gồm: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nghị định quy định lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã được xác định theo ngành nghề kinh doanh chính mà hợp tác xã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã được phân loại theo 04 nhóm lĩnh vực căn cứ vào các ngành kinh tế được xác định theo quy định của pháp luật về thống kê như sau:

- Lĩnh vực nông nghiệp gồm các ngành sau đây: Ngành cấp 1 nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; ngành khai thác muối.

- Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng gồm các ngành cấp 1 sau đây: khai khoáng (trừ khai thác muối); công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện,

khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; xây dựng.

- Lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm gồm ngành cấp 1 sau đây: hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm.

- Lĩnh vực thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác gồm các ngành cấp 1 sau đây: bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; thông tin và truyền thông; kinh doanh bất động sản; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; nghệ thuật vui chơi và giải trí; hoạt động dịch vụ khác.

Về tiêu chí phân loại quy mô hợp tác xã, Nghị định quy định phân loại quy mô hợp tác xã dựa vào tiêu chí: Số lượng thành viên, tổng nguồn vốn, doanh thu.

- Số lượng thành viên chính thức của hợp tác xã được xác định tại thời điểm ngày 14 tháng 12 của năm trước liền kề được cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo quy định của pháp luật về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Tổng nguồn vốn của hợp tác xã được xác định trong báo cáo tài chính năm của hợp tác xã mà hợp tác xã nộp cho cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp hợp tác xã hoạt động dưới 01 năm mà chưa có báo cáo tài chính năm nộp cho cơ quan quản lý thuế, tổng nguồn vốn được xác định căn cứ theo vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Doanh thu của năm của hợp tác xã là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và thu nhập khác của hợp tác xã được xác định trên báo cáo tài chính năm của hợp tác xã mà hợp tác xã nộp cho cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp hợp tác xã hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng không có doanh thu thì hợp tác xã căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định ở trên để xác định quy mô.

Nghị định nêu rõ căn cứ lĩnh vực hoạt động, hợp tác xã được phân loại theo quy mô lớn, vừa, nhỏ và siêu nhỏ trên cơ sở tiêu chí số lượng thành viên chính thức và một trong hai tiêu chí doanh thu hoặc tổng nguồn vốn được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

Trường hợp hợp tác xã thỏa mãn các tiêu chí phân loại quy mô hợp tác xã ở nhiều mức khác nhau thì quy mô hợp tác xã được xác định theo mức quy mô lớn nhất.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2024.

**3. Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng.**

Ngày 21/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 133/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng.

Trong đó, Nghị định số 133/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP quy định về nguyên tắc lập và gửi hồ sơ cấp, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Theo quy định mới, đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực, không được cấp từ sổ gốc thì công ty thông tin tín dụng xuất trình kèm theo bản chính (bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật) để đối chiếu; người đối chiếu ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Đồng thời, Nghị định số 133/2024/NĐ-CP cũng sửa đổi quy định về bản khai lý lịch của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của công ty thông tin tín dụng trong hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung Mục 1, Mục 4 và mục Ghi chú của Mẫu lý lịch tóm tắt tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định 58/2021/NĐ-CP theo hướng tách riêng quy định các trường thông tin đối với cá nhân là công dân Việt Nam và cá nhân không phải là công dân Việt Nam.

Theo đó, đối với Công dân Việt Nam phải cung cấp các trường thông tin:

- Họ và tên
- Ngày, tháng, năm sinh
- Số chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ đăng ký thường trú; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú)
- Tên, địa chỉ và mã số thuế tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần)
- Vợ, chồng, bố mẹ đẻ, con đẻ của người kê khai (Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không phải là công dân Việt Nam)).

Đối với cá nhân không phải là công dân Việt Nam phải cung cấp các trường thông tin:

- Họ và tên
- Ngày, tháng, năm sinh
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp
- Nơi sinh

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ đăng ký theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã)
- Nơi ở hiện nay tại Việt Nam (tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã) (nếu có)
- Tên, địa chỉ và mã số thuế tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần).

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2024.

**4. Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.**

Ngày 18/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 117/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Nghị định 117/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Theo đó, bổ sung Điều 4a quy định về hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần.

Cụ thể, việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 82/2020/NĐ-CP liên quan đến việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: "Tịch thu tang vật là giấy phép, chứng chỉ hành nghề... bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung" đối với hành vi cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động thành biện pháp khắc phục hậu quả "buộc nộp lại giấy chứng nhận, xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các loại giấy chứng nhận, xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ đó".

Đồng thời, Nghị định cũng bổ sung quy định về thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả này. Cụ thể, đối với các hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó thì thực hiện như sau:

- Nếu tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung mà giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động này vẫn đang bị người có thẩm quyền tạm giữ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi văn bản đề nghị kèm theo quyết định xử phạt, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó.

- Nếu vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại điểm a nêu trên thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động trong thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Nghị định cũng nêu rõ: Các biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó; buộc nộp lại bản chính giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ, văn bản đó và hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung không áp dụng trong trường hợp các loại giấy tờ nêu trên được cấp và lưu trữ bằng bản điện tử. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ, văn bản đó để xử lý theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2024.

## **5. Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.**

Ngày 05/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 124/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Nghị định số 124/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tập trung vào các quy định về liên kết giáo dục và đào tạo với nước ngoài. Trong đó, Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 6 về đối tượng liên kết giáo dục, cụ thể:

Bên Việt Nam: Cơ sở giáo dục mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Bên nước ngoài:

- Cơ sở giáo dục được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, có thời gian hoạt động ít nhất 05 năm ở nước ngoài tính đến ngày nộp hồ sơ và không vi phạm pháp luật của nước sở tại trong thời gian hoạt động, có giảng dạy trực tiếp, có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục còn hiệu lực hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.
- Tổ chức cung cấp chương trình giáo dục được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, có thời gian hoạt động cung cấp chương trình giáo dục mầm non hoặc phổ thông ít nhất 05 năm tính đến ngày nộp hồ sơ xin thực hiện liên kết giáo dục.

Bên cạnh đó, Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 về chương trình giáo dục. Theo đó, chương trình giáo dục tích hợp phải bảo đảm mục tiêu của chương trình giáo dục của Việt Nam và đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục nước ngoài; không bắt buộc người học phải học lại cùng một nội dung kiến thức, bảo đảm tính ổn định đến hết cấp học và liên thông giữa các cấp học vì quyền lợi của học sinh, bảo đảm tính tự nguyện tham gia và không gây quá tải cho học sinh.

Nghị định yêu cầu các bên liên kết có trách nhiệm công khai đầy đủ, chính xác, rõ ràng cho học sinh, cha mẹ học sinh và trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục các thông tin về chương trình giáo dục và kết quả kiểm định, số lượng giáo viên người nước ngoài, số lượng học sinh nước ngoài, phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này.

Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Theo đó, đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ gồm:

- Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Về chương trình đào tạo, Nghị định 124/2024/NĐ-CP nêu rõ: chương trình đào tạo của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Là chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp.
- Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không gây ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/11/2024.

## **6. Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.**

Ngày 05/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

Theo đó, Nghị định số 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm:

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với: Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt.

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với: Cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

- Thành lập hoặc cho phép thành lập trường cao đẳng sư phạm; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng; đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng; sáp nhập, chia, tách, giải thể trường cao đẳng sư phạm; sáp nhập trường cao đẳng vào trường đại học.

- Thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; cho phép trường đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo; đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục đại học; giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; công nhận đại học vùng, đại học quốc gia (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học).

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam; công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

- Đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; đình chỉ kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

Nghị định này áp dụng đối với: Cơ sở giáo dục mầm non; nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục thường xuyên; trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; trường chuyên biệt; trường cao đẳng thực hiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng; cơ sở giáo dục đại học; tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; tổ chức và cá nhân khác thực hiện hoạt động giáo dục.

Trong đó, Nghị định quy định điều kiện thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục như sau:

- Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở.

- Đề án xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục tiểu học; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Về điều kiện cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục, Nghị định quy định:

- Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định.

- Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn để tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục:

Đối với trường tiểu học tư thục, mức đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn.

Đối với trường hợp trường tiểu học tư thục không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động giáo dục thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% mức đầu tư quy định tại điểm a khoản này.

- Đối với trường tiểu học công lập, nguồn lực tài chính do cơ quan quản lý có thẩm quyền chịu trách nhiệm bảo đảm nhằm đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục tiểu học.

- Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/11/2024.

## **7. Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.**

Ngày 08/10/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Nghị định 126/2024/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với hội được thành lập và hoạt động tại Việt Nam và áp dụng đối với tổ chức, công dân Việt Nam có liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt

động và quản lý nhà nước về hội. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về tổ chức, hoạt động của hội khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

Nghị định này quy định phạm vi hoạt động của hội (theo địa giới hành chính) gồm: Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh; Hội hoạt động trong phạm vi huyện; Hội hoạt động trong phạm vi xã (đối với hội sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng được xác định tương đương hội hoạt động trong phạm vi xã).

Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội được quy định như sau: Tự nguyện, tự quản; Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; Tự bảo đảm kinh phí hoạt động; Không vì mục tiêu lợi nhuận; Tuân thủ Hiến pháp, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội.

Nghị định cũng quy định chính sách của Nhà nước đối với hội như sau: Khuyến khích, tạo điều kiện để các hội tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ, tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, dự án, đề tài, đề án và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật; Hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị định này giao; Cung cấp thông tin, tuyên truyền phổ biến chủ trương đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Theo Nghị định, để thành lập hội, cần đáp ứng các điều kiện cơ bản sau:

- Tên gọi của hội đảm bảo các điều kiện sau: Viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội; không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó; không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.

- Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.

- Có tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định pháp luật.

- Có điều lệ, trừ hội quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định này.

- Có trụ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

- Có đủ số lượng tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác: Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 100 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội; Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 50 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội; Hội hoạt động trong phạm vi huyện có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có

đơn đăng ký tham gia thành lập hội; Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 10 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội; Hiệp hội của các tổ chức kinh tế hoạt động trong phạm vi toàn quốc có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có ít nhất 11 đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội.

- Có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội.

Về cơ cấu tổ chức của hội gồm: Đại hội; Ban chấp hành hội; Ban thường vụ hội; Ban kiểm tra hội; Các tổ chức thuộc hội theo quy định tại Điều 25 Nghị định này do hội tự quyết định căn cứ vào tính chất, phạm vi, quy mô tổ chức hoạt động của hội, phù hợp quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26/11/2024.

## **8. Quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.**

Ngày 17/9/2024, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư 53/2024/TT-BQP quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Thông tư này quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Đối tượng áp dụng, bao gồm:

- Quân nhân đã phục viên, xuất ngũ đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg.

- Quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Về cách tính và mức điều chỉnh trợ cấp, Thông tư nêu rõ, điều chỉnh tăng thêm 15% trên mức trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2024 đối với đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này, theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức trợ cấp hằng} & & \text{Mức trợ cấp hằng tháng} \\ \text{tháng được hưởng từ} & = & \text{được hưởng tại thời điểm} \\ \text{tháng 7/2024} & & \text{tháng 6/2024} \end{array} \quad \times \quad 1,150$$

Mức trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng trên sau khi đã được điều chỉnh tăng thêm, cụ thể như sau:

- Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 2.628.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 2.746.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 2.868.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 2.988.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 3.105.000 đồng/tháng.

Thông tư nêu rõ, kinh phí thực hiện điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng quy định tại Thông tư này do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để uỷ quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chi trả cho đối tượng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2024.

### **9. Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.**

Ngày 01/10/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 70/2024/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Thông tư này quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (BQLDA) sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Đối tượng áp dụng, bao gồm: Chủ đầu tư, BQLDA do chủ đầu tư thành lập, BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực được thành lập theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý dự án.

Thông tư quy định rõ nguồn thu và phân chia nguồn thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và ban quản lý dự án (BQLDA) đối với dự án được giao quản lý.

Theo đó, nguồn thu gồm:

- Thu từ chi phí của dự án được giao quản lý, bao gồm: Nguồn trích chi phí quản lý dự án và nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý.
- Thu hợp pháp khác của Chủ đầu tư, BQLDA theo quy định, bao gồm: Thu từ hoạt động tư vấn cho các dự án khác, và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- Ngân sách nhà nước cấp (nếu có).

Phân chia nguồn thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA đối với dự án được giao quản lý: Căn cứ vào nội dung, khối lượng công việc, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và BQLDA, Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư quyết định tỷ lệ phân chia khoản thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA (nếu có) và chịu trách nhiệm về nội dung này.

Về tài khoản giao dịch, Thông tư quy định:

- Đối với nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và pháp luật có liên quan: Chủ đầu tư, BQLDA mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện giao dịch để quản lý.

- Đối với nguồn thu không thuộc dự án được giao quản lý, các Quỹ được trích lập theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Chủ đầu tư, Ban QLDA được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý.

Bên cạnh đó, Thông tư quy định về dự toán thu, chi hằng năm của chủ đầu tư, BQLDA như sau:

- Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt 01 dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng hoặc lập và duyệt 02 dự toán riêng cho chủ đầu tư và BQLDA để thuận tiện quản lý, sử dụng. Trường hợp lập dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng, cần xác định rõ các nội dung chi của chủ đầu tư và các nội dung chi của BQLDA.

- Hằng năm, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ thời gian thực hiện dự án, hình thức tổ chức quản lý dự án, quy mô và đặc điểm công việc quản lý dự án, các chế độ chính sách có liên quan để xác định chi phí quản lý dự án của từng dự án cho phù hợp với khối lượng nhiệm vụ, công việc quản lý dự án trong năm và chịu trách nhiệm về nội dung này. Các khoản thu từ chi phí của dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào vốn của dự án đó. Chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm đảm bảo đủ chi phí quản lý dự án để tổ chức, thực hiện quản lý dự án cho đến khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

- Dự toán thu, chi hằng năm được lập theo quy định tại Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/11/2024.

**10. Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.**

Ngày 30/9/2024, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 46/2024/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Cụ thể, Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 11 về hình thức giám sát của nhân dân. Theo quy định mới, nhân dân được giám sát thông qua các hình thức sau:

- Tiếp cận thông tin công khai của lực lượng Công an và trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Qua các chủ thể giám sát theo quy định của pháp luật.
- Tiếp xúc, giải quyết trực tiếp công việc với cán bộ, chiến sĩ.
- Kết quả giải quyết các vụ việc, đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.
- Quan sát trực tiếp công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Thông tư cũng quy định việc giám sát của Nhân dân phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cán bộ, chiến sĩ khi đang thực thi công vụ;
- Không được vào khu vực thực thi công vụ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, trừ người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 về trách nhiệm của Nhân dân tham gia vào hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông như sau: Thông báo cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất các vụ tai nạn, ùn tắc giao thông; các vụ đua xe trái phép, gây rối trật tự công cộng, vi phạm pháp luật hình sự làm ảnh hưởng an toàn giao thông; đặt chướng ngại vật trên đường gây cản trở giao thông; ném đất, đá hoặc các vật khác vào phương tiện hoặc người tham gia giao thông; vận chuyển trái phép chất cháy, chất nổ, chất ma túy hoặc vận chuyển trái phép các hàng hóa khác; các hành vi giả danh Công an nhân dân; chống người thi hành công vụ và các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông khác.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2024./.